

Số: 666/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020.

## NGHỊ QUYẾT

**V/v: Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng  
Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới Phía Nam thị trấn Kẻ Sặt,  
huyện Bình Giang.**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD6

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 25/11/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6;
- Căn cứ Nghị quyết số 196/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty HUD6 về việc thống nhất liên danh hợp tác đầu tư thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng khu dân cư mới Phía Nam thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang” và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty HUD6 thực hiện quyết định phê duyệt các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ có liên quan đến dự án;
- Xét Tờ trình số 534/TTr-HUD6 ngày 11/8/2020 của Giám đốc Công ty HUD6 về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án “Đầu tư xây dựng khu dân cư mới Phía Nam thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang”.
- Căn cứ Biên bản họp ngày 16/11/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư mới Phía Nam thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang (Bao gồm: Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư, bản vẽ và thuyết minh Thiết kế cơ sở) với một số nội dung chính như sau:

*1.1. Tên dự án:*

Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang.

*1.2. Chủ đầu tư:*

Liên danh Công cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6 - Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD10 (gọi tắt là Liên danh VINA UIC-HUD6-HUD10). (Tỷ lệ vốn góp các bên lần lượt là Công ty VINA UIC 40%; công ty HUD6 30%; Công ty HUD10 30%).

*1.3. Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:*

Công ty cổ phần Sơn Thành.

*1.4. Chủ nhiệm lập dự án:* Cao Văn Tuấn

*1.5. Tổ chức khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình:*

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Hà Nội.

*1.6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:*

Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới phía Nam thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới phía Nam thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỷ lệ 1/500 đã được UBND huyện Bình Giang phê duyệt tại Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 23/11/2011; nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất và góp phần tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

*1.7. Quy mô đầu tư xây dựng:*

- Hạng mục công trình đầu tư: Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền; đường giao thông; thoát nước mưa, thoát nước thải; cấp nước sinh hoạt và PCCC; điện trung thế, hạ thế, chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh...

- Quy mô dân số: 2500 người.

*1.8. Địa điểm thực hiện dự án:*

Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tráng Liệt, Vĩnh Tuy (nay là thị trấn Kê Sắt, xã Vĩnh Hưng) và Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

*1.9. Diện tích sử dụng đất:*

- Diện tích dự án: 19.85 ha

- Cơ cấu sử dụng đất: Theo Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 23-11-2011 của UBND huyện Bình Giang về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới phía Nam thị trấn Kê Sặt, tỷ lệ 1/500.

1.10. Loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại, Cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, Cấp III.

1.11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

1.12. Phương án thiết kế cơ sở:

a). Hạng mục san nền:

- San nền trong phạm vi các lô đất dốc từ giữa ô ra đường giao thông với độ dốc 0,4%, hướng thoát nước về tuyến mương hiện trạng phía Bắc đường tỉnh lộ 395, tận dụng đất đào phạm vi đường giao thông để san lấp vào lô quy hoạch trồng cây xanh. Không tiến hành vét hữu cơ trong các lô đất chỉ tiến hành vét bùn tại vị trí ao, mương chiều sâu trung bình 0,5m;

- San nền sử dụng vật liệu bằng cát đen, san thành từng lớp, đảm bảo  $K = 0,85$ .

b). Hệ thống giao thông:

b.1. Đường, hè:

- Hệ thống giao thông gồm các tuyến đường có quy mô mặt cắt như sau:

TT	Tên mặt cắt		Quy mô tuyến đường (m)			
			B <sub>mặt</sub>	B <sub>hè phố</sub>	B <sub>dải phân cách</sub>	$\Sigma B_{\text{đường}}$
1	Tuyến 1	Mặt cắt 1A-1A	6	1,5+3	0	10,5
		Mặt cắt 3-3	7,5	2x3,0	0	13,5
		Mặt cắt 4-4	6,0	2x3,0	0	12,0
2	Tuyến 2	Mặt cắt 5-5	7,5	2x5,0	0	17,5
3	Tuyến 3	Mặt cắt 2-2	7,5	2x4,0	0	15,5
4	Tuyến 4	Mặt cắt 4-4	6,0	2x3,0	0	12,0
5	Tuyến 5	Mặt cắt 4-4	6,0	2x3,0	0	12,0
6	Tuyến 6	Mặt cắt 4-4	6,0	2x3,0	0	12,0
7	Tuyến 7	Mặt cắt 3-3	7,5	2x3,0	0	13,5
8	Tuyến 8	Mặt cắt 4-4	6,0	2x3,0	0	12,0
9	Tuyến 9	Mặt cắt 1-1	7,5+12+7,5	2x5,0	2x3,5	44
10	Tuyến 10	Mặt cắt 4-4	6,0	2x3,0	0	12,0
11	Tuyến 11	Mặt cắt 5-5	7,5	2x5,0	0	17,5
12	Tuyến 12	Mặt cắt 4-4	6,0	2x3,0	0	12,0

- Kết cấu đường:

+ Kết cấu mặt đường loại 1: Áp dụng cho phần đường gom Quốc lộ 38 Mặt cắt 1-1, Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới bao gồm các lớp sau: Lớp Bê

tông nhựa chặt 12.5 dày 5cm; Tưới nhựa bảm dính 0,5kg/m<sup>2</sup>; Lớp Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm; Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>; Cấp phối đá dăm loại I dày 20cm; Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm; Lớp Vải địa kỹ thuật không dệt, cường độ chịu kéo 12kN/m; Lớp cát đắp nền đường dày 50cm đầm chặt K=0,98; Lớp cát đắp nền đường đầm chặt K=0,95; Nền đất tự nhiên đã xử lý.

+ Kết cấu mặt đường loại 2: Được sử dụng cho tuyến còn lại và bãi đỗ xe (Eyc=120Mpa) áp dụng cho Mặt cắt 1A-1A, Mặt cắt 2-2, Mặt cắt 3-3, Mặt cắt 4-4, Mặt cắt 5-5. Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới bao gồm các lớp sau: Lớp Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 4cm; Tưới nhựa bảm dính 0,5kg/m<sup>2</sup>; Lớp Bê tông nhựa chặt 19 dày 5cm; Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>; Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại II dày 20cm; Lớp Vải địa kỹ thuật không dệt, cường độ chịu kéo 12kN/m; Lớp cát đắp nền đường dày 50cm đầm chặt K=0,98; Lớp cát đắp nền đường đầm chặt K=0,95; Nền đất tự nhiên đã xử lý;

- Kết cấu vỉa hè: Kết cấu vỉa hè từ trên xuống: Gạch Terrazzo, M200, dày 3cm; Vữa xi măng M100 dày 2cm; Bê tông M150 đá 1x2, dày 8cm; 01 lớp giấy dầu; Nền cát đầm chặt  $K \geq 0,90$ .

- Kết cấu bó vỉa: Vỉa hè sử dụng bó vỉa vát bê tông xi măng M300, kích thước 23x26cm; dải phân cách sử dụng bó vỉa đứng bê tông xi măng M300, kích thước 18x53cm.

- Rãnh đan dùng tấm đan bê tông M250 dày 6cm, kích thước 0,3 x 0,5(m).

- Bó gáy hè xây bằng gạch không nung cường độ 100kG/cm<sup>2</sup> vữa XM M75.

## b.2 Bãi đỗ xe:

! Vị trí: Nằm dọc theo một số tuyến đường của dự án;

+ Cao độ bãi đỗ xe: Cao độ mặt bãi đỗ xe khớp nối và bằng cao độ mặt đường;

+ Kết cấu bãi đỗ xe từ trên xuống: Lớp BT nhựa hạt mịn (Bê tông nhựa chặt 12.5) dày 4cm; Tưới nhựa bảm dính 0,5kg/m<sup>2</sup>; Lớp bê tông nhựa hạt trung (Bê tông nhựa chặt 19) dày 5cm; Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>; Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại II dày 20cm; Lớp Vải địa kỹ thuật không dệt, cường độ chịu kéo 12kN/m; Lớp cát đắp nền đường dày 50cm đầm chặt K=0,98; Lớp cát đắp nền đường đầm chặt K=0,95; Nền đất tự nhiên đã xử lý.

## b.3. Hệ thống an toàn giao thông:

- Bao gồm vạch sơn và biển báo theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019.

## c). Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bằng cống tròn BTCT đúc sẵn cấp tải TC (Theo TCVN 9113 : 2012) đường kính cống từ D400 - D1500, mỗi nối bằng gioăng cao su, toàn bộ tuyến được đặt trên gổl đỡ bằng BTCT có khoảng cách 2m/1 cái. Nước mưa được xả ra mương hiện trạng qua 3 cửa xả chạy dọc bên đường tỉnh 395 và dọc đường Thống Nhất.

- Cầu tạo ga: Ga được tính toán thiết kế với kết cấu bằng BTCT, nắp ga là nắp gang cầu cường độ chịu nén 400D (400KN).

d). Hạng mục thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa;

- Nước thải trong các khu vực phải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó thu gom vào các hố ga, tuyến rãnh thoát nước B300. Cống tròn cấp tải T (Theo TCVN 9113 : 2012) đường kính D300 dẫn về trạm xử lý nước thải có công suất 420m<sup>3</sup>/ngày đêm nằm ở phía Tây dự án. Nước thải sau xử lý đạt Mức A theo QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Ga thu nước thải thiết kế xây gạch không nung cường độ 100kG/cm<sup>2</sup> vữa XM M75, nắp ga bằng BTCT đặt dưới lớp kết cấu vỉa hè để đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Trạm xử lý nước thải: Công trình xử lý nước thải (trạm xử lý nước thải) được đặt phía Tây Bắc của dự án, thu gom tập trung nước thải để xử lý đạt loại A trước khi xả ra hệ thống thoát nước mưa. Trạm xử lý nước thải có tổng công suất 420m<sup>3</sup>/ngđ.

f). Hạng mục cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy:

- Nguồn nước cấp cho khu vực dân cư đô thị được lấy từ mạng lưới cấp nước của khu vực huyện Bình Giang.

- Hệ thống cấp nước thiết kế mạng lưới vòng, kết hợp cấp nước cho sinh hoạt, cứu hỏa và nhu cầu khác;

- Các tuyến ống truyền tải và phân phối dùng ống HDPE tiêu chuẩn ISO 4422 PN10, kích thước đường ống: D160 và D110, các phụ tùng côn, cút, tê kèm theo.

- Các tuyến ống dịch vụ vào các hộ tiêu thụ và các khu nhà dùng ống HDPE tiêu chuẩn ISO 4422 PN8, kích thước đường ống: D63 và D50, các phụ tùng côn, cút, tê....kèm theo.

- Tuyến ống chờ vào trong các hộ dân là ống IIDPE D25.

c). Hạng mục cây xanh:

- Cây xanh trồng trên vỉa hè và các khu công viên, cây xanh tập trung tuân

thủ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương, chủng loại cây gồm:

- Trên vỉa hè, dải phân cách: Giáng Hương, Sấu, Bàng Đài loan, Sao Đen, Lát Hoa. Đường kính cây từ 13cm÷15cm, cao từ 3,0m÷5,0m. Hồ trồng cây được bố trí tại vị trí ranh giới các lô đất, kích thước hồ 1,0x1,0m.

- Khu công viên cây xanh: Trồng cây Sấu, Giáng hương đường kính từ 13 - 15cm, cao từ 3m - 5m kết hợp với các loại cỏ nhật, dâm bụt, viền cắm tú mai, cây hoa tán thấp.

g) Hạ tầng điện trung thế 35kV, hạ thế 0,4kV, chiếu sáng:

g.1.) Phần đường dây trung thế, Trạm biến áp:

- Nguồn điện: Dự kiến đầu lấy điện tại cột số 4 nhánh lấy điện từ cột 114 đường dây 35kV lộ 376 E8.15.

- Đầu tư mới 04 Trạm biến áp hợp bộ công suất lần lượt 2x800kVA-35(22)/0,4kV; 2x630kVA-35(22)/0,4kV; 2x750kVA-35(22)/0,4kV; 2x560kVA-35(22)/0,4kV.

Hệ thống cáp điện trung thế sử dụng cáp loại Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W3x150mm<sup>2</sup>-40,5kV, Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W3x95mm<sup>2</sup>-40,5kV. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE cho đoạn cáp đi trên vỉa hè và luồn trong ống thép tráng kẽm cho đoạn qua đường, cáp được chôn trực tiếp dưới đất với chiều sâu đảm bảo theo quy phạm hiện hành.

g.2.) Tuyến đường dây hạ thế sau các TBA xây dựng mới:

- Xây dựng mới khoảng 8.210 mét đường dây cáp ngầm hạ thế xuất tuyến sau TBA T1 và TBA T4 xây dựng mới, sử dụng cáp ngầm lõi đồng loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4kV 3x240+1x185, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4kV 3x185 + 1x150, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4kV 3x150 + 1x120, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4kV 3x120+ 1x95, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4kV 3x95 + 1x70, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4kV 3x70 + 1x50, Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,4kV 3x50 + 1x35 tương ứng từng lộ theo như thiết kế. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE cho đoạn cáp đi trên vỉa hè và luồn trong ống thép tráng kẽm cho đoạn qua đường, cáp được chôn trực tiếp dưới đất với chiều sâu đảm bảo theo quy phạm hiện hành.

- Tủ hạ thế công tơ loại tủ 7-9 công tơ.

+ Vỏ tủ được chế tạo bằng tôn dày 1,5 ly sơn tĩnh điện.

+ Bệ tủ được đúc sẵn bằng bê tông mác M200, xung quanh bệ được ốp gạch thẻ trang trí.

- Tiếp địa chế tạo bằng thép CT3, cờ và dây nối tiếp địa đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ ≥ 80μm.

g.3.) Hạ tầng chiếu sáng đô thị:

- Nguồn điện chiếu sáng lấy từ các lộ ra hạ áp trạm biến áp T1 và T4 của dự án.

- Cột đèn chiếu sáng: Sử dụng cột đèn chiếu sáng bát giác liền cần bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cột đơn cao 7m, 8m, cột đôi cao 12m để chiếu sáng các tuyến đường giao thông; tại các khu cây xanh tập trung sử dụng cột đèn chiếu sáng bằng gang cao khoảng 4,6m để chiếu sáng cảnh quan.

- Đèn chiếu sáng: Chiếu sáng đường dùng bóng đèn Led công suất 100W và bóng led 150W kèm theo bóng phụ 20W; chiếu sáng cảnh quanh bằng đèn cầu Led 20W.

- Cáp chiếu sáng dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện dây gồm: 3x16+1x10mm<sup>2</sup>, 3x10+1x6mm<sup>2</sup>; dây lên đèn Cu/PVC/PVC tiết diện 2x2,5mm<sup>2</sup>.

- Móng cột đèn: Đổ tại chỗ bằng bê tông móng mác M200 hoặc có thể đúc sẵn sau đó lắp đặt, bên trong đặt bộ khung xương móng cột bằng thép được chế tạo định hình cho từng loại cột dùng để liên kết giữa thân cột điện với móng. Toàn bộ hệ thống cột được cố định bằng khung bulông móng cột đặt trong móng bê tông đúc tại chỗ.

h). Hạng mục thông tin liên lạc:

Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc bao gồm ống nhựa uPVC D110 luồn cáp và các hố ga, ống xoắn từ HDPE D40/30. Phần cáp thông tin liên lạc do đơn vị khai thác thông tin đầu tư

1.13. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

Tuân thủ theo các quy định hiện hành về công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.14. Phương án bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:

Thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 20/05/2020 và các quy định hiện hành khác có liên quan.

1.15. Tổng mức đầu tư (làm tròn) là: **697.942.093.000 đồng**

(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi bảy tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng./).

**BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

STT	Nội dung	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	112.011.030.000	0	112.011.030.000
2	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp 1 lần (Đã khấu trừ tiền BT, hỗ trợ GPMB)	254.901.165.129	0	254.901.165.129
3	Nộp Ngân sách nhà nước	300.000.000	0	300.000.000

STT	Nội dung	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
4	Chi phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	4.995.888.750	0	4.995.888.750
5	Chi phí xây dựng	150.517.822.821	15.051.782.282	165.569.605.103
6	Chi phí thiết bị	12.270.200.336	1.227.020.034	13.497.220.369
7	Chi phí QLDA, TV và Chi phí khác	18.977.495.922	1.849.975.511	20.827.471.433
8	Lãi vay trong thời gian xây dựng	58.181.258.398	0	58.181.258.398
9	Dự phòng phí	65.514.140.718	2.144.312.655	67.658.453.373
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>677.669.002.074</b>	<b>20.273.090.482</b>	<b>697.942.092.556</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b><u>697.942.093.000</u></b>

1.16. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có; vốn vay tín dụng, trái phiếu; vốn huy động

#### BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU NGUỒN VỐN

STT	Nguồn vốn	Giá trị (đồng)	Cơ cấu vốn
1	Vốn tự có của chủ đầu tư	141.942.092.556	20,34%
2	Vốn vay tín dụng, trái phiếu	456.000.000.000	65,33%
3	Vốn huy động	100.000.000.000	14,33%
	<b>Tổng</b>	<b>697.942.092.556</b>	<b>100,0%</b>

1.17. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý dự án thông qua Ban quản lý dự án do Chủ đầu tư thành lập.

1.18. Hiệu quả đầu tư dự kiến:

- Lợi nhuận sau thuế dự án dự kiến: 56.881.723.202 đồng.
- Tỷ suất LNST dự án/TMĐT: 8,15%.

1.19. Thời gian thực hiện: 36 tháng từ Quý III/2019 đến Quý II/2022 gồm 03 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ Quý III/2019 đến Quý III/2021;
- Giai đoạn 2: Từ Quý I/2021 đến Quý IV/2021;
- Giai đoạn 3: Từ Quý III/2021 đến Quý II/2022.

1.20. Thời hạn sử dụng công trình: Theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

**Điều 2.** Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty HUD6 và Giám đốc Công ty HUD6 tham gia các cuộc họp của Liên danh VINA UIC-HUD6-HUD10 để xem xét, thống nhất các nội dung công việc trong quá trình triển khai thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu dân cư mới Phía Nam thị trấn Kẽ Sắt, huyện Bình Giang đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.



**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6 chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát HUD6;
- Lưu: HUD6 (HCTC, HĐQT, Tổ Website).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Trương Thanh Huy**

M.S.D.N

